

Mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 12/2013, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm, lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác về nhà đánh đập chị. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay không quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Văn L, sinh ngày 4/10/1998 và cháu Phạm Thùy L1, sinh ngày 14/10/2009, hiện tại cháu L đã trên 18 tuổi do vậy chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về nghĩa vụ nuôi con và cấp dưỡng đối với cháu L. Anh Thắng nhận nuôi dưỡng cháu L1 và không yêu cầu chị đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị nhất trí.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung có liên quan vay nợ chung nhưng chị không kê khai, chị xác định vợ chồng đã thỏa thuận với nhau xong về tài sản và công nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2018 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh Phạm Văn T xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn với chị Nguyễn Thị X như chị X trình bày là đúng, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh, sau đó vợ chồng ra ăn riêng ở riêng, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, đôi lúc vợ chồng có xảy ra cãi nhau, ngày 6/5/2018 vợ chồng xảy ra cãi nhau căng thẳng, chị X đã bỏ về bên ngoại và vợ chồng sống ly thân, mặc dù anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng chị X trốn tránh không gặp. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị chị X suy nghĩ lại để đoàn tụ vợ chồng và nuôi dạy con cái, chị X cương quyết xin ly hôn, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Văn L, sinh ngày 4/10/1998 và cháu Phạm Thùy L1, sinh ngày 14/10/2009, hiện tại cháu L đã trên 18

tuổi do vậy anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về nghĩa vụ nuôi con và cấp dưỡng đối với cháu L. Anh nhận nuôi dưỡng cháu L1, anh không yêu cầu chị X đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng có tài sản chung có liên quan vay nợ chung nhưng anh không kê khai, anh xác định vợ chồng đã thỏa thuận với nhau xong về tài sản và công nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ vợ chồng.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Phạm Văn T được ly hôn, con chung giao cho anh T nuôi dưỡng cháu L1, không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi con đối với cháu L, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ chung. Anh Phạm Văn T không nhất trí ly hôn và có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng, nếu chị X cương quyết ly hôn anh không nhất trí. Trong trường hợp Tòa án giải quyết vợ chồng ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ nuôi con đối với cháu L, anh nhận nuôi dưỡng cháu L1, không yêu cầu chị X đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, do vậy Tòa án xét xử vụ án đúng theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Văn T được ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh T nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Thùy L1, sinh ngày 14/10/2009, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X, bị đơn anh Phạm Văn T và những tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Nguyễn Thị X kết hôn anh Phạm Văn T ngày 10/9/1997 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, hiện vợ chồng đã có hai con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị X xác định vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay và không còn quan hệ tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, để nuôi dạy con cái, chị X cương quyết ly hôn anh không nhất trí.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị X và anh T đã xảy ra căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian nhưng không thể hàn gắn được tình cảm, chị X cương quyết xin ly hôn và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị X, xử cho

chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Văn T được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị X và anh T có hai con chung là Phạm Văn L, sinh ngày 4/10/1998 và cháu Phạm Thùy L1, sinh ngày 14/10/2009, cháu L đã trưởng thành nên anh chị đều không đề nghị giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng do vậy không đặt ra xem xét giải quyết. Chị X và anh T thỏa thuận anh T nuôi dưỡng cháu L1. Cháu L1 cũng có nguyện vọng được giao cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy anh Thắng nuôi dưỡng cháu L1 kể từ khi vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay vẫn ổn định, do vậy cần giao cho anh T nuôi dưỡng con chung là phù hợp với khoản 2 điều 81 luật hôn nhân gia đình. Anh T không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Chị X và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 19; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Văn T được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao anh T nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Thùy L1, sinh ngày 14/10/2009. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị X đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2010/006916 ngày 31/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động, khoản tiền trên được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND xã T;
- CCTHADS huyện Sơn Động;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Bắc Nguyễn Ngọc Ngát

Nguyễn Huy Biên

